

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 5 – 2025

V/ v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải

Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thuý Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hương L, sinh năm 1991;

Chỗ ở hiện nay: Xóm K, xã K1, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (*vắng mặt*).

Bị đơn: Anh C, M-H, sinh năm 1989; Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan);
Hộ chiếu số 312290397 cấp ngày 10/12/2015.

Địa chỉ: Số 02, ngõ Dân Sinh, xóm 10, phường T, khu T1, thành phố Đ, Đài Loan (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị Hương L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C, M-H tự nguyện tìm hiểu vào năm 2015, đến năm 2016 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Sau khi kết hôn, anh C, M-H trở về Đài Loan sinh sống và làm việc, còn chị ở lại làm thủ tục pháp lý để sang đoàn tụ với chồng. Thời gian đầu anh chị vẫn giữ liên lạc. Từ tháng 01 năm 2017, anh chị ít liên lạc và xảy ra mâu thuẫn, từ đó chị không thể liên lạc với anh C, M-H. Nay chị xác định

tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C, M-H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung;

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh C, M-H: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam đã thực hiện ủy thác tư pháp hồ sơ dân sự đến cơ quan có thẩm quyền theo Công văn số 01/TTTPHNGĐ-TA ngày 11/3/2024 đề tổng đạt văn bản tố tụng và thu thập ý kiến trình bày của bị đơn anh C, M-H theo địa chỉ tại Đài Loan được nguyên đơn cung cấp, cũng như địa chỉ có tại hồ sơ khi đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, ngày 05/7/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhận được Công văn số 1760/BTP-PLQT ngày 25/6/2024 của Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp cho bị đơn anh C, M-H tại Đài Loan, theo đó Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên do địa chỉ không đầy đủ.

Ngày 08/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã có công văn yêu cầu nguyên đơn chị Phạm Thị Hương L cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C, M-H tại Đài Loan. Ngày 12/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện ủy thác tư pháp hồ sơ dân sự đến cơ quan có thẩm quyền theo Công văn số 05/TTTPHNGĐ-TA đề tổng đạt văn bản tố tụng và thu thập ý kiến trình bày của bị đơn anh C, M-H theo địa chỉ cụ thể tại Đài Loan được nguyên đơn cung cấp lại.

Tại phiên tòa xét xử công khai ngày 06/01/2025 và ngày 17/02/2025, bị đơn anh C, M-H đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến thể hiện quan điểm liên quan đến việc chị L có đơn xin ly hôn với anh, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên hoãn phiên tòa. Sau đó Tòa án có văn bản đề nghị Bộ tư pháp thông báo về việc thực hiện thu thập chứng cứ và tổng đạt giấy tờ của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, tuy nhiên đến nay vẫn chưa nhận được phản hồi.

Tòa án có công văn đề nghị và đã được Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc niêm yết và thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh C, M-H. Đồng thời, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án và niêm yết tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nội dung các thông báo của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ thời điểm thụ lý giải quyết vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc xét xử vắng mặt các đương

sự theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 474, 476, 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hương L, cho chị L được ly hôn với anh C, M-H; Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Phạm Thị Hương L, quốc tịch: Việt Nam có địa chỉ thường trú: Xóm K, xã K1, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Anh C, M-H, quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan), địa chỉ cư trú: Số 02, ngõ Dân Sinh, xóm 10, phường T, khu T1, thành phố Đ, Đài Loan. Nên đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 464 và Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.] Bị đơn anh C, M-H đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và thu thập chứng cứ qua địa chỉ Số 02, ngõ Dân Sinh, xóm 10, phường T, khu T1, thành phố Đ, Đài Loan là địa chỉ đã được nguyên đơn cung cấp bổ sung. Tuy nhiên không có kết quả.

[3.] Anh C, M-H đã được Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên triệu tập hợp lệ những vắng mặt. Bản thân chị L có đề nghị không hòa giải và được xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 474, Điều 477 và Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và bị đơn anh C, M-H theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[4.] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hương L và anh C, M-H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn xong, anh C, M-H trở về Đài Loan sinh sống và làm việc, chị L ở lại làm thủ tục pháp lý để sang đoàn tụ với chồng. Thời gian đầu anh chị vẫn giữ liên lạc. Từ tháng 01 năm 2017, anh chị ít liên lạc và xảy ra mâu thuẫn, chị L không thể liên lạc với anh C, M-H. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh C, M-H theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam đã hoàn toàn chấm dứt từ năm 2018, các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đều không được tôn

trọng và thực hiện, nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh C, M-H là đảm bảo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam và thực tế.

[5.] Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết

[6.] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết

[7.] Án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp, chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật. Về chi phí tố tụng: Đã quyết toán xong.

[8.] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, được chấp nhận.

[9.] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; Điều 37; Khoản 2 Điều 38; Điều 39; Điều 147; Điều 207; khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Hương L đối với anh C, M-H.

2. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Hương L được ly hôn với anh C, M-H

3. Con chung: Không có, không xem xét giải quyết

4. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

5. Án phí: Chị Phạm Thị Hương L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000062 ngày 04/01/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) về việc ủy thác thu thập chứng cứ và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) về việc ủy thác tổng đạt giấy tờ sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000154 ngày 12/3/2024, số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000153 ngày 12/3/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị Phạm Thị Hương L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp.

6. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Hương L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo

quy định. Anh C, M-H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)
Nguyễn Thị Thuỷ**

